

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HS-ST

Ngày 11-4-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Kiện** và bà **Nguyễn Hải Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Danh Nguyễn Thúy Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 04 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2024/TLST- HS ngày 26 tháng 01 năm 2024 về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 03 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Thị Ng, sinh ngày 01/01/1980 tại Cà Mau; Nơi cư trú số: 243/9/16 Ng, khu phố 2, phường R, thành phố R tỉnh K; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn Ch (chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1957; Chồng là Thạch Văn T và có 05 người con lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án có 02 tiền án: Ngày 22/02/2022, Toà án nhân dân thành phố R, tỉnh K xử phạt 02 năm cải tạo không giam giữ, về tội “ Trộm cắp tài sản ” tại bản án hình sự sơ thẩm số 63/2022/HS-ST; Ngày 22/06/2022 bị cáo bị Toà án nhân dân huyện G, tỉnh K xử phạt 06 tháng tù, về tội “ Trộm cắp tài sản ” tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2022/HS-ST ngày 22/06/2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh K. Tổng hợp hình phạt buộc Lê Thị Ng phải chấp hành là 13 tháng 09 ngày tù. Đến thời điểm phạm tội mới Ng chưa chấp hành xong hình phạt; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/11/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ch, tỉnh K (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Ông **Lê Minh Ch**, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp A, xã B, huyện Ch, tỉnh K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

NCT: Số 94A Ng, khu phố 6, phường R, thành phố R, tỉnh K.

2. Bà **Nguyễn Thị Bích Th**, sinh năm 1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: Số 125A Ng, khu phố 6, phường R, thành phố R, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ, ngày 25/7/2023 Lê Thị Ng cùng với Huỳnh Văn H; Nguyễn Thị Bích Th và con trai tên Lê Thành Th, sinh năm 2017 đi lượm phế liệu trên tuyến Quốc lộ 61 từ hướng R đi về ngã ba thị trấn M thuộc huyện Ch sau đó đi xuống hướng cầu C thuộc xã B, huyện Ch, đi bằng xe mô tô biển kiểm soát 68S1 – 313.38 do Huỳnh Văn H điều khiển, phía sau có gắn thùng xe kéo loại 02 bánh (xe tự chế). Khi đi đến đoạn gần dốc cầu X thì Ng thấy có nhiều vỏ thùng (kết) bia để cặp mé lộ, được sắp xếp theo hàng dọc theo hướng bên tay trái và không có người trông giữ nên Ng và Th kêu Huỳnh Văn H điều khiển xe dừng lại để Lê Thị Ng và Nguyễn Thị Bích Th trực tiếp xuống lấy những vỏ thùng bia chuyển cho H xếp lên xe đem về bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Tổng cộng Ng, Th và H đã lấy trộm 24 vỏ thùng bia, trong các vỏ thùng bia có chứa các chai thủy tinh, bên trong chai không chứa nước bia. Sau đó H điều khiển xe chở Ng và Th về nhà theo hướng từ T, khi về đến đoạn đường ngã ba T thuộc ấp S, xã V thì bị lực lượng Công an tuần tra xã V, kiểm tra phát hiện mời về trụ sở làm việc. Tại trụ sở cơ quan Công an, Lê Thị Ng, Nguyễn Thị Bích Th và Huỳnh Văn H đã thừa nhận hành vi trộm 24 vỏ thùng (kết) bia nêu trên.

Về vật chứng thu giữ trong vụ án:

- Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ 23 vỏ thùng (kết) bằng nhựa, màu đỏ có chữ Sài Gòn, mỗi thùng có chứa 20 chai bia thủy tinh, loại thể tích 355ml (bên trong không chứa nước bia). Trong đó 07 thùng chứa 140 chai bia thủy tinh dán nhãn màu xanh có chữ Sài Gòn; 16 thùng chứa 320 chai bia thủy tinh dán nhãn chữ Sài Gòn màu đỏ; 01 vỏ thùng (kết) bằng nhựa có chữ Lạc Việt màu đỏ bên trong có chứa 20 chai bia thủy tinh, loại thể tích 355ml (bên trong không chứa nước bia).

- 01 xe mô tô, biển kiểm soát 68S1 – 313.38, số máy VKVLM1P52FMHF401094, số khung VLMDCH0C5UM401094 và 01 xe kéo tự chế loại hai bánh (đã qua sử dụng) thuộc quyền sở hữu của Lê Thị Kim Ng và Huỳnh Văn H.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 27/KL-HĐĐGTS và Công văn bổ sung Kết luận định giá ngày 03/10/2023 của Hội đồng thẩm định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ch kết luận:

- 24 (hai mươi bốn) vỏ thùng (kết) bằng nhựa, màu đỏ (trong đó có 23 vỏ thùng có chữ Sài Gòn và 01 vỏ thùng có chữ Lạc Việt) có giá là 360.000 đồng.

- 480 (bốn trăm tám mươi) chai thủy tinh, loại thể tích 355ml (bên trong không chứa nước bia) qua khảo sát giá thị trường thì tài sản này không bán trên thị trường và được hủy bỏ nên không có giá trị.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT-VKS-CT ngày 24/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch, tỉnh K đã truy tố bị cáo Lê Thị Ng về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Thị Ng phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Thị Ng** từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 13 tháng 09 ngày tù của bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2022/HS-ST ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Về biện pháp tư pháp đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu sung vào Ng sách Nhà nước 01 xe mô tô, biển kiểm soát 68S1 – 313.38, số máy VKVLM1P52FMHF401094, số khung VLMDCH0C5UM401094 và 01 xe kéo tự chế loại hai bánh (đã qua sử dụng).

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo nói lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Bị cáo Lê Thị Ng là đối tượng có nhiều tiền án, về tội “Trộm cắp tài sản” vẫn chưa được xóa án tích. Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 22 giờ ngày 25/7/2023, Huỳnh Văn H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68S1 – 313.38, phía sau có gắn thêm 01 xe kéo tự chế loại hai bánh chở bị cáo Lê Thị Ng và Nguyễn Thị Bích Th đi lượm phế liệu trên tuyến Quốc lộ 61. Khi đi đến đoạn gần dốc cầu X thuộc ấp Xthì Ng, Th và H đã lấy trộm 24 vỏ thùng (két) bia, bên trong có 480 chai bia không chứa nước bia. Sau khi trộm, H điều khiển xe chở Ng và Th về nhà khi đến đoạn đường ngã ba T thuộc ấp S, xã V thì bị lực lượng Công an tuần tra, kiểm tra phát hiện mời về Trụ sở làm việc. Theo Kết luận định giá tài sản mà bị cáo lấy trộm có giá trị là 360.000 đồng.

Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự thì:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;”....

Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên thì hành vi của bị cáo Ng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” như đã viện dẫn nêu trên.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản của công dân, mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, gây sự bất an trong nhân dân. Bị cáo có đủ nhận thức và biết rằng hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, với bản chất tham lam, lười lao động, dù đã nhiều lần có tiền án về tội trộm cắp tài sản bị cáo vẫn bất chấp pháp luật, cứ tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Vì vậy, trong lần phạm tội này, tuy tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000 đồng bị cáo

vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. HĐXX nhận định, cần xử phạt bị cáo bằng mức án nghiêm và cần tách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, qua hồ sơ thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu nên khi lượng hình cần xem xét về nhân thân của bị cáo để có mức án tương xứng mới là phù hợp.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo nên bị cáo được áp dụng một tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại anh Lê Minh Ch đã được nhận lại tài sản bị mất và không có ý kiến hay yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

8.1 Đối với 01 xe mô tô, biển kiểm soát 68S1 – 313.38, số máy VKVLM1P52FMHF401094, số khung VLMDCH0C5UM401094 và 01 xe kéo tự chế loại hai bánh (đã qua sử dụng) đã bị thu giữ trong vụ án, đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và thuộc quyền sở hữu của Lê Thị Ng và Huỳnh Văn H nên cần xử tịch thu sung vào Ng sách Nhà nước theo quy định pháp luật.

8.2 Đối với 23 vỏ thùng (kết) bằng nhựa, màu đỏ có chữ Sài Gòn, mỗi thùng có chứa 20 chai bia thủy tinh, loại thể tích 355ml (bên trong không chứa nước bia). Trong đó 07 thùng chứa 140 chai bia thủy tinh dán nhãn màu xanh có chữ Sài Gòn; 16 thùng chứa 320 chai bia thủy tinh dán nhãn chữ Sài Gòn màu đỏ; 01 vỏ thùng (kết) bằng nhựa có chữ Lạc Việt màu đỏ bên trong có chứa 20 chai bia thủy tinh, loại thể tích 355ml (bên trong không chứa nước bia), đây là tài sản của bị hại anh Lê Minh Ch. Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý trao trả cho anh Ch. Xét việc trao trả các tài sản trên là đúng theo quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về những vấn đề khác: Đối với Huỳnh Văn H và Nguyễn Thị Bích Th đã cùng tham gia thực hiện hành vi trộm tài sản cùng với bị cáo Ng. Tuy nhiên do tài sản lấy trộm có giá trị dưới 2.000.000 đồng và bản thân Hoài và Th chưa có tiền án, tiền sự nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ch chỉ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H và Th là đúng theo quy định pháp luật. Nên, HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng và tội danh:

1.1 Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

1.2 Tuyên bố bị cáo Lê Thị Ng phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Lê Thị Ng 09** (chín) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 13 tháng 09 ngày tù, về tội “Trộm cắp tài sản” của Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2022/HS-ST ngày 22/06/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Buộc bị cáo Lê Thị Ng phải chấp hành hình phạt chung là **01** (một) năm **10** (mười) tháng **09** (chín) ngày tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 24/11/2023.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Thị Ng 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

3. Về biện pháp tư pháp áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu sung vào Ng sách Nhà nước 01 xe mô tô, biển kiểm soát 68S1 – 313.38, số máy VKVLM1P52FMHF401094, số khung VLMDCH0C5UM401094 (đã qua sử dụng) và 01 xe kéo tự chế loại hai bánh (đã qua sử dụng) của Lê Thị Ng và Huỳnh Văn H.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 20/QĐ-VKSCT ngày 24/01/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện huyện Ch.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc bị cáo Lê Thị Ng phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại và NLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Lê Thị Thúy Hằng